TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/DS-ST
Ngày: 06-4-2018.

"V/v tranh chấp dân sự về yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai.

Ông Nguyễn Chí Công.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2014/TLST-DS, ngày 29/5/2014, về "Tranh chấp dân sự về bồi thường thiệt hại về quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST-DS ngày 30/01/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2018/QĐST-DS ngày 08/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị Kim T, sinh năm 1955.
Địa chỉ: 110, tổ 1, ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh A (có mặt)
- *Bị đơn*:
1. Nguyễn Văn B, sinh năm 1946. (có mặt)
2. Mai Bích N, sinh năm 1952 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: 348/4 ấp L, xã L, L, tỉnh Đ;
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:
3. Nguyễn Văn N, sinh năm 1960.(vắng mặt)
Địa chỉ: 296 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

4. Võ Thành Nghiêm, sinh năm 1975. (vắng mặt)
Địa chỉ: 232A/3 ấp L, xã L, L, Đ.
5. Đặng Văn C, sinh năm 1947 (có mặt).
6. Đặng Thị Hồng H, sinh năm 1990. (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: 110, tổ 1, ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh A.
7. Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt)
8. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt)
9. Nguyễn Phi Y, sinh năm 1983 (vắng mặt)
10. Nguyễn Văn K, sinh năm 1985 (vắng mặt)
11. Nguyễn Thế H, sinh năm 1990 (vắng mặt)
12. Nguyễn Huy N, sinh năm 1994 (vắng mặt)
13. Lâm Thị G, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: 348/4 ấp L, xã L, L, tỉnh Đ;
Người làm chứng:
Trần Phước T, sinh năm 1955(vắng mặt)
Địa chỉ: 373B/4 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đ.
Phan Thanh T, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: 364/4 ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2014, đơn xin rút một phần khởi kiện ngày 16/3/2018 cũng như quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Kim T trình bày:

Bà đang đứng tên sử dụng diện tích 2.468m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 253, tờ bản đồ số 01, thửa đất này được cấp đổi lại thành thửa 328, tờ bản đồ số 4 diện tích 2.463m^2 đứng tên hộ bà Lê Thị Kim T cấp ngày 21/3/2018 đất tọa lạc tại ấp L – xã L. Mục đích sử dụng là LUC. Nguồn gốc của thửa đất 253 (mới là 328) trên là của gia đình bà T cho gia đình bà Mai Bích N và ông Nguyễn Văn B mượn để canh tác vào năm 1979 để canh tác, sau đó bà T đòi đất lại thì ông B, bà N không trả, đến năm 1997 thì Tòa án nhân dân huyện L xét xử buộc gia đình bà N - ông B trả diện tích đất trên lại cho bà T, ông B bà N không đồng ý kháng cáo phúc thẩm tại cấp phúc thẩm tuyên bằng bán án số 196/DSPT ngày 16/8/1998 tuyên y án sơ thẩm. Và sau đó ông B không chấp hành bản án của Tòa án đã tuyên nên bị xử lý hình sự về tội không chấp hành bản án. Thửa đất nêu trên bà T đã được bàn giao thực địa vào ngày 24/12/2013 nhưng ông B, bà N vẫn cố tình chiếm giữ đất của bà T canh tác đã nhiều năm nay. Đồng thời vào năm 2013 ông B – bà N còn lấy lớp đất mặt của thửa đất trên từ 0,6m – 0,7m để bán cho ông Nguyễn Văn N và Võ Thành Ng với số tiền 60.000.000đ để trồng quýt. Nay bà Lê Thị Kim T yêu cầu Tòa

án giải quyết buộc Nguyễn Văn B - Mai Bích N bồi thường thiệt hại của thửa đất số 253, tờ bản đồ số 01 cho tổng số tiền là 272.000.000đ (trong đó gồm các khoản như: tiền thiệt hại lớp đất mặt mà ông B – bà N bán cho ông N và ông Ng là 60.000.000đ, tiền thiệt hại về đất là 212.000.000đ). Nay bà T rút yêu cầu đối với số tiền 212.000.000 đồng chỉ yêu cầu ông B, bà N phải liên đới bồi thường cho bà T số tiền đã bán lớp đất mặt là 60.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Bà T không yêu cầu gì đối với ông N, ông Ng và các con của ông B, bà Ng là Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Phi Y, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thế H, Nguyễn Huy Ng và Lâm Thị G.

- Tại các lần hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Phần đất đang tranh chấp trên có nguồn gốc là của gia đình ông B canh tác từ trước đến nay nên ông B không đồng ý bồi thường hay trả đất gì cho bà Lê Thị Kim T cả. Việc Tòa án xử vào năm 1997 buộc ông B, bà Ng trả phần đất trên lại cho bà T và Tòa án xử lý hình sự đối với ông B là sai pháp luật và ông B có khiếu nại nhưng Tòa án không giải quyết.

Ông B thừa nhận vào năm 2013 ông B có bán lớp đất mặt của phần đất tranh chấp trên cho ông Nguyễn Văn N và Võ Thành Ng mỗi người 01 công đất, với giá là 60.000.000đ (đã lấy đất và nhận tiền xong) bán đất lớp mặt đúng thửa đất mà trước đây Tòa án xử đất cho bà T được sử dụng. Ông B cho rằng thửa đất 253, tờ bản đồ số 01, thửa đất này được cấp đổi lại thành thửa 328, tờ bản đồ số 4 diện tích 2.463m^2 đứng tên hộ bà Lê Thị Kim T cấp ngày 21/3/2018 đất tọa lạc tại ấp L – xã L. Mục đích sử dụng là LUC là của ông B nên ông B không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/12/2017 và tại phiên tòa ông Đặng Văn C trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà T, ông C không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/12/2017 chị Đặng Thị Hồng H trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Lê Thị Kim T và ông Đặng Văn C không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Tại các lần hòa giải ngày 21/7/2014 bà Mai Bích Ng trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông B, bà T có biết việc mua bán lớp đất mặt cho ông Ng và ông N, bà Ng cho rằng đất này là của bà Ng, ông B nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà T.

- Tại các biên bản hòa giải ngày 21/7/2014, ngày 01/12/2017 ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông N thừa nhận là vào năm 2013 ông N có mua đất lớp mặt của ông Nguyễn Văn B và bà Mai Bích Ng với diện tích 01 công đất với số tiền là

30.000.000 đồng đã lấy đất và nhận tiền xong. Việc ông N mua lớp đất mặt ông N không biết đất của bà T vì thấy trước đây giữa bà T và ông B có cấm ranh chia đất, ông N nghĩ ông B bà T đã thỏa thuận xong nên ông N mới dám mua. Trong vụ án này ông N không có ý kiến gì về số tiền ông N đã mua đất lớp mặt và không yêu cầu ai trong vụ án này. Ông N yêu cầu được vắng mặt trong các lần hòa giải sau và tại phiên tòa xét xử sau này.

- Tại các biên bản hòa giải ngày 21/7/2014, ngày 01/12/2017 ông Võ Thành Ng trình bày: Ông Ng thừa nhận là vào năm 2013 ông Ng có mua đất lớp mặt của ông Nguyễn Văn B và bà Mai Bích Ng với diện tích 01 công đất với số tiền là 30.000.000 đồng đã lấy đất và nhận tiền xong. Việc ông Ng mua lớp đất mặt ông Ng không biết đất của bà T vì thấy trước đây giữa bà T và ông B có cấm ranh chia đất, ông Ng nghĩ ông B bà T đã thỏa thuận xong nên ông Ng mới dám mua. Trong vụ án này ông Ng không có ý kiến gì về số tiền ông Ng đã mua đất lớp mặt và không yêu cầu ai trong vụ án này. Ông Ng yêu cầu được vắng mặt trong các lần hòa giải sau và tại phiên tòa xét xử sau này.

Tại tờ tường trình ngày 01/11/2017 người làm chứng Trần Phước T trình bày: Ông T có canh tác ruộng ở gần ruộng cuả ông B, bà Ng, đất ruộng ở khu vực này mỗi năm thu hoạch khoảng 1300kg lúa/1000m^2/01.

Tại tờ trường trình ngày 01/11/2017 người làm chứng ông Phan Thanh T trình bày: Ông T có canh tác lúa ở ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đ. Mỗi năm ông T thu hoạch lúa khoảng 1300kg lúa/ 1000m^2 /01năm.

Phát biểu của Viện kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự đã chấp hành đúng tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử về việc cấp tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, và xác định sai quan hệ pháp luật. Tuy nhiên những sai sót trên không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Thẩm phán cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 589 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Kim T về yêu cầu ông Nguyễn Văn B bà Mai Bích Ng bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là 60.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Mai Bích Ng cư trú tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đ và nơi xảy ra thiệt hại là tại thửa đất số 253, tờ bản đồ số 01, thửa đất này được cấp đổi lại thành thửa 328 tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đ nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Lê Thị Kim T khởi kiện bị đơn Nguyễn Văn B, Mai Bích Ng phải bồi thường thiệt hại cho bà T về số tiền ông B bà Ng đã bán lớp đất mặt là 60.000.000 đồng. Lớp đất mặt là tài sản thuộc quyền sử dụng của bà T. Do đó cần xác định quan hệ pháp luật là " Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm", quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 589 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về xét xử vắng mặt: Đối với bị đơn Mai Bích Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Đặng Thị Hồng H, Nguyễn Văn N, Võ Thành Ng, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Phi Y, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thế H, Nguyễn Huy Ng và Lâm Thị G và người làm chứng Trần Phước T, Lê Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, có người có lý do có người không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp với Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của bà Lê Thị Kim T yêu cầu ông Nguyễn Văn B bà Mai Bích N liên đới bồi thường thiệt hại cho bà Lê Thị Kim T số tiền 60.000.000 đồng mà ông B bà Ng đã bán lớp đất mặt tại thửa đất số 253 tờ bản đồ số 01, được cấp đổi thành thửa số 328 tờ bản đồ số 04 đứng tên hộ bà Lê Thị Kim T. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Lê Thị Kim T vào năm 1998 và cấp đổi năm 2018. Ông B không đồng ý theo yêu cầu của bà T ông B cho rằng thửa đất này là của ông B.

Để chứng minh cho yêu cầu của bà T là có căn cứ và hợp pháp thì bà T đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh tài sản của bà T bị ông B, bà Ng xâm phạm là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 253, tờ bản đồ số 01, thửa đất này được cấp đổi lại thành thửa 328 tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp đứng tên quyền sử dụng đất bà hộ Lê Thị Kim T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp lần đầu năm 1998 và cấp đổi ngày 21/3/2018. Bản án dân sự phúc thẩm số 196/DSPT ngày 16/8/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ. Việc Tòa án xử đất cho bà T được sử dụng thửa 253 tờ bản đồ số 01(328 tờ bản đồ số 04) đã được thi hành án thể hiện qua việc bàn giao thực địa tại biên bản bàn giao thực địa ngày 24/12/2013 kèm trích đo bản đồ ngày 24/12/2013. Hơn nữa trước đây do không chấp hành bản án nên ông Nguyễn Văn B đã bị xử lý hình sự về tội

“Không chấp hành bản án” theo bản án hình sự số: 45/HSPT ngày 28/4/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ tuyên xử ông Nguyễn Văn B 12 tháng tù. Nhưng ông Nguyễn Văn B khi chấp hành án tù xong cùng vợ là Mai Bích Ng vẫn bao chiếm và sử dụng thửa đất tranh chấp cho đến nay và năm 2013 ông B bà Ng bán lớp đất mặt cho ông Nguyễn Văn N và ông Võ Thành Ng tổng số tiền là 60.000.000 đồng được ông B, bà Ng, ông N và ông Ng thừa nhận. Từ những phân tích trên cho thấy thửa đất 253, tờ bản đồ số 01 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp đổi lại thành thửa 328 tờ bản đồ số 04 ngày 21/3/2018 đứng tên hộ Lê Thị Kim T là tài sản của hộ bà T được Nhà nước công nhận và trao quyền cho hộ bà T sử dụng là hợp pháp. Ông B, bà Ng ngang nhiên bao chiếm sử dụng và bán đi lớp đất mặt làm hao mòn và mất đi giá trị thực tế của thửa đất trên là tài sản của hộ bà T. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim T cần buộc ông Nguyễn Văn B, bà Mai Bích Ng liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho hộ bà Lê Thị Kim T về số tiền 60.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp theo Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Tuyến không yêu cầu đối với ông Nguyễn Văn N, ông Võ Thành Ng và các con của ông B, bà Ng là Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Phi Y, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thế H, Nguyễn Huy Ng và Lâm Thị G nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn N, ông Võ Thành Ng không yêu cầu gì đối với ông B, bà Ng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Phi Y, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thế H, Nguyễn Huy Ng và Lâm Thị G Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Phi Y, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thế H, Nguyễn Huy Ng và Lâm Thị G vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến phản bác hay yêu cầu gì đối với nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

Đối với số tiền thiệt hại về đất còn lại là 212.000.000 đồng bà T rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tiền này cho nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Phát biểu của Viện kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự đã chấp hành đúng, tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử về việc cấp tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, và xác định sai quan hệ pháp luật. Tuy nhiên những sai sót trên không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Thẩm phán cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 589 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Kim T về yêu cầu ông Nguyễn Văn B bà Mai Bích Ng bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là 60.000.000 đồng.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đông xét xử chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 229, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 468, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim T.

Buộc ông Nguyễn Văn B, bà Mai Bích Ng liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho hộ bà Lê Thị Kim T, ông Đặng Văn C, chị Đặng Thị Hồng H là 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành đến khi thi hành án xong.

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Kim T đối với số tiền 212.000.000 đồng.

3. Án phí:

+ Ông Nguyễn Văn B, bà Mai Bích Ng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

+ Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Kim T 6.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 18918 ngày 29/5/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đ.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (06/4/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày 06/4/2018 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Hoa Lư